TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/DS-ST
Ngày 14-8-2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Kiên Ngọc Minh
2/ Ông Nguyễn Văn Điền

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Quách Thúy Lam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2024/TLST-DS, ngày 11 tháng 01 năm 2024, về " Tranh chấp hợp đồng dân sự về v*ay tài sản)"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 119/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị Kim X(tên thường gọi G), sinh năm 1977
Nơi cư trú: Khóm F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1967
Nơi cư trú: Khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2023, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà Võ Thị Kim X trình bày: Vào năm 2022 và 2023 bà X có cho bà Nguyễn Thị Thu S vay bốn lần tiền tổng cộng là 250.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 23/9/2022 dương lịch(viết tắt là dl), bà Nguyễn Thị Thu S vay 80.000.000 đồng.
- Ngày 05/11/2022 dl bà Nguyễn Thị Thu S vay 120.000.000 đồng.

- Ngày 05/01/2023 dl bà Nguyễn Thị Thu S vay 30.000.000 đồng.

- Ngày 19/4/2023 dl bà Nguyễn Thị Thu S vay tiếp 20.000.000 đồng.

Việc vay tiền bà S có viết biên nhận giao cho bà Xuân giữ, không tính lãi suất. Tính đến ngày 30/9/2023 dl, bà S có trả cho bà X được 103.000.000 đồng, còn lại 147.000.000 đồng đến nay không trả mặc dù bà X nhắc nhở nhiều lần.

Nay bà X yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu S hoàn trả lại cho bà số tiền vay gốc còn nợ là 147.000.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thu S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đối chất nhưng không đến Tòa án. Vì vậy, không có lời khai của bà S. Do đó, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt đương sự và thông báo kết quả theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bà S vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Vị kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, trình tự khi thụ lý vụ án, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, đã thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không có măt tại Toà mặc dù Tòa án thông báo hợp lệ.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, V đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim X. Buộc bà Nguyễn Thị Thu S trả cho bà X số tiền 147.000.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về lệ phí, án phí: Các bên đương sự phải chịu trừ trường hợp được miễn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Bà Võ Thị Kim X khởi kiện bà Nguyễn Thị thu S1, địa chỉ tại Khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh trả số tiền vay nợ 147.000.000 đồng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự của Bộ luật dân sự năm 2015 xác định vụ án "*Tranh chấp hợp đồng sự về vay tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[2] *Về tố tụng*: Toà án đã tống đạt đầy đủ hợp lệ văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên toà, bà Nguyễn Thị Thu S vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3] *Về nội dung*: Do có mối quan hệ quen biết và tin tưởng khi bà S làm việc tại Chi Cục thuế huyện C và sống tại Khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên bà X cho bà S vay tiền nhiều lần tổng cộng là 250.000.000 đồng. Cụ thể ngày 23/9/2022 dl, bà Nguyễn Thị Thu S vay 80.000.000 đồng; ngày 05/11/2022 dl bà Nguyễn Thị Thu S vay 120.000.000 đồng; ngày 05/01/2023 dl bà Nguyễn Thị Thu S vay 30.000.000 đồng; ngày 19/4/2023 dl bà Nguyễn Thị Thu S vay tiếp 20.000.000 đồng. Việc vay tiền không tính lãi xuất, không quy định thời hạn trả, có ghi nhận do chính bà S viết. Quá trình vay, bà S đã trả cho bà X được 103.000.000 đồng, còn nợ 147.000.000 đồng không trả và bỏ đi khỏi địa phương không thông báo địa chỉ mới cho bà X biết. Nay bà Võ Thị Kim X yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu S trả số tiền vay còn nợ là 147.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4] Tại Biên nhận tiền đề ngày 23/9/2022; ngày 05/11/2022; ngày 05/01/2023 và ngày 19/4/2023 (bút lục 34-35) thể hiện bà S có vay của bà X số tiền 250.000.000 đồng. Việc bà S không trả hết nợ và bỏ đi khỏi địa phương không thông báo địa chỉ mới cho bà X biết là cố tình giấu địa chỉ. Nên Tòa án quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trong các biên nhận nợ của bà S do bà X cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[5] Tại kết luận giám định số: 188/KL-KTHS ngày 22/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh T (Bút lục số 42) đã kết luận chữ ký tên S và chữ viết họ tên Nguyễn Thị Thu S trong biên nhận mượn tiền đề ngày 23/9/2022; ngày 05/11/2022; ngày 05/01/2023 và ngày 19/4/2023 với tài liệu mẫu so sánh là chữ ký và chữ viết họ tên Huỳnh Thị S2 trong đơn khởi kiện của bà S2 đối với ông Nguyễn Văn R đề ngày 04/4/2022 nộp tại Tòa án nhân dân huyện Càng Long, biên bản ghi nhận ý kiến của người khởi kiện/người yêu cầu về việc lực chọn hòa giải, lựa chọn hòa giải viên, bản tự khai ngày 30/5/2022, biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 30/5/2022, biên bản tống đạt ngày 12/5/2022 và ngày 30/5/2022 là do cùng một người viết ra. Do đó, có căn cứ khẳng định bà Nguyễn Thị Thu S có nợ bà Võ Thị Kim X số tiền 147.000.000 đồng.

[6] Việc bà S không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền là vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, bà X yêu cầu bà S giao trả số tiền 147.000.000 đồng

còn nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà X không yêu cầu bà S trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về lệ phí giám định*: Do yêu cầu của bà X được chấp nhận nên bà S phải chịu 4.412.000 đồng *(Bốn triệu, bốn trăm mười hai nghìn đồng)* tiền lệ phí giám định chữ ký, chữ viết. Bà X không phải chịu lệ phí giám định nên được nhận lại tiền tạm ứng lệ phí giám định khi bà S nộp vào tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long.

[9] *Về án phí*: Do yêu cầu của bà X được chấp nhận nên bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH1430/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Ý kiến đề nghị của Vị kiểm sát viên là phù hợp quy định pháp luật được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227, 147, 161 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Điều 17 Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Kim X.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu S trả cho bà Võ Thị Kim X số tiền 147.000.000 đồng *(Một trăm, bốn mươi bảy triệu đồng)*.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. *Về lệ phí giám định*: Buộc bà Nguyễn Thị Thu S nộp 4.412.000 đồng *(Bốn triệu, bốn trăm mười hai nghìn đồng)* tiền lệ phí giám định chữ ký, chữ viết. Bà Võ Thị Kim X không phải chịu lệ phí giám định nên được nhận lại 4.412.000 đồng *(Bốn triệu, bốn trăm mười hai nghìn đồng)* tiền tạm ứng lệ phí giám định khi bà S nộp vào tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bà Nguyễn Thị Thu S nộp 7.350.000 đồng *(Bảy triệu, ba trăm, năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị Kim X không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà X 3.675.000 đồng *(Ba triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001476 ngày 09/01/2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn; báo cho đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện huyện Càng Long;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trang